TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2018
V/v ly hôn giữa chị D và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thái;
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1988 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1979 " vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn Đ 1, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề tháng 6/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày: Chị và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn nă 2009 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu say về đánh vợ con, có lần còn vứt con trai xuống ao, cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, bạo lực gia đình. Từ tháng 3/2017 đến nay chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Nay chị xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân khoongcos hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02con chung là Lê Phương Duy, sinh ngày 02/12/2009 và Lê Thị Hà Linh, sinh ngày 10/9/2013. Các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Lê Phương Duy và giao cho anh D nuôi con Lê Thị Hà Linh. Cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn D là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang đã được Tòa án giao, tống đạt các văn bản tố tụng thông qua bà Trương Thị Dự là mẹ đẻ anh D theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh D không có ý kiến quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Tại phiên tòa hôm nay anh D vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị Diệu chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh Tuyền vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị D và anh Lê Văn D.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị D nuôi con Lê Phương Duy, sinh năm 2009, anh D nuôi con Lê Thị Hà Linh, sinh năm 2015. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh D vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị D và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị D và anh D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời

gian ngắn, đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ con. Chị D không chịu được bạo lực gia đình nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn anh D.

[3] *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị D, anh D có 02 con chung là Lê Phương Duy, sinh ngày 02/12/2009 và Lê Thị Hà Linh, sinh ngày 10/9/2013. Các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn chị D đề nghị được nuôi con Lê Phương Duy và cháu Duy cũng có nguyện vọng được ở với chị D. Hiện cả chị D và anh D đều có việc làm ổn định, đủ điều kiện để nuôi các con nên cần giao cháu Duy cho chị D nuôi dưỡng và giao cháu Linh cho anh D nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người có trách nhiệm nuôi một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[4] *Về tài sản và công nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị D và anh Lê Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trương Thị D nuôi con Lê Phương Duy, sinh năm 2009, anh Lê Văn D nuôi con Lê Thị Hà Linh, sinh năm 2013. Chị D, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002788 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

N¬i nhËn:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã L, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy